

Bản án số: **29/2019/HSST**

Ngày: 22/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Quang Lực**

2. Ông **Lý A Hoi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Huệ** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Th Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN VĂN G**

Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 23/01/1965 tại Đb;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 16, phường NT, thành phố Đbp, tỉnh Đb;

Nghề nghiệp: Hưu trí;

Trình độ văn hoá: 10/10 phổ thông;

Con ông: Trần Văn S (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T (đã chết);

Vợ: Lê Thị Tm - sinh năm: 1971

Bị cáo có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1999

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/01/2019 đến ngày 01/02/2019 bị tạm giam cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Lê Thị Tm** - sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường NT, thành phố Đbp, tỉnh Đb (Có mặt);

- Bà **Lê Thị Th** - sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường NT, thành phố Đbp, tỉnh Đb (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/01/2019, công an phường NT, thành phố Đbp làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố 16, phường NT phát hiện Trần Văn G đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-381.39, nghi vấn phạm tội về ma túy, tổ công tác áp sát, khống chế thì G thả từ lòng bàn tay trái xuống mặt đường 02 gói nhỏ (01 gói bằng giấy trắng cách bánh sau bên trái xe G khoảng 01 mét, trong có các cục chất bột thể rắn màu trắng đục; 01 gói bằng giấy bạc màu vàng bên trong có 03 gói nhỏ gói bằng các mảnh giấy trắng chứa các cục chất bột màu trắng đục cách bánh sau phải xe G khoảng 40cm).

G khai các gói chất bột đều là Heroine, G đang trên đường mang đi bán thì bị bắt. Cơ quan công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng. Cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra đã khám xét nơi ở thu giữ trên mặt đệm đầu giường ngủ của G 01 gói các cục chất bột thể rắn màu trắng gói bằng tờ vé lô tô; 01 gói nhỏ bằng giấy bạc màu vàng bên trong có 01 cục chất bột thể rắn màu trắng đục; 01 dao lam dùng để chia ma túy.

G khai nhận toàn bộ số ma túy bị Công an thu giữ là mua của một người đàn ông không quen tại đường thuộc bản Xôm, xã Th An, huyện Đb vào khoảng 12 giờ trưa ngày 29/01/2019 hết 500.000 đồng, G mang về nhà dùng dao lam chia thành 06 gói nhỏ mục đích để bán và sử dụng cho bản thân.

Ngày 30/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đbp đã gửi toàn bộ vật chứng thu giữ của bị cáo làm mẫu giám định.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Tại bản kết luận giám định số: 255/GĐ – PC09 ngày 01/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đb kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi đến giám định là chất ma túy loại Heroine có khối lượng 0,77 gam. Heroine nằm trong danh mục chất ma túy, STT: 9, mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Hoàn lại 0,67 gam Heroine sau khi giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định trên của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đb.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 26/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp đã ra quyết định chuyển vật chứng của vụ án từ Công an thành phố Đbp đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đbp gồm: 0,67 gam Heroine còn lại sau khi giám định; 04 mảnh giấy trắng; 02 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 vé lô tô; 01 dao lam là vật chứng của vụ án;

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Bản cáo trạng số: 28/CT-VKSTPĐBP ngày 26/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb truy tố bị cáo Trần Văn G về tội “ *Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn G từ **2 năm** đến **2 năm 6 tháng tù** về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,67 gam Heroine còn lại sau khi giám định; 04 mảnh giấy trắng; 02 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 vé lô tô; 01 dao lam là vật chứng của vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo G đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Đbp; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 29/01/2019 tại tổ dân phố 16, phường NT, thành phố Đbp Trần Văn G đã có hành vi cất giấu trái phép 0,77 gam Heroine trên người và tại nơi ở của mình mục đích để bán và sử dụng. Như vậy hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Điều Luật quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”

Trần Văn G là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Qua phần xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa thể hiện nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội là do thiếu ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức và thiếu ý thức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật. Nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng để phục vụ cho nhu cầu bản thân bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Ngày 29/01/2019 Trần Văn G có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/01/2019 đến ngày 01/02/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bố mẹ bị cáo là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy để thể hiện sự khoan hồng của Đảng, Pháp luật của Nhà nước ta đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần xử bị cáo ở mức khởi điểm và cách ly bị cáo một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời đây cũng là điều kiện T lợi để bị cáo từ bỏ được ma túy sớm trở lại hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

[4] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử cần tịch thu tiêu hủy 0,67 gam Heroine còn lại sau khi giám định; 04 mảnh giấy trắng; 02 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 vé lô tô; 01 dao lam.

[5] Trần Văn G khai mua ma túy của một người đàn ông không quen tại đường thuộc bản Xôm, xã Th An, huyện Đb nên cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để điều tra làm rõ. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập việc xử lý đối với người này.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG, máy màu đen; 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Văn G và số tiền 130.000 đồng, qua điều tra xác minh không liên quan đến việc phạm tội vì vậy ngày 10/4/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Lê Thị Tm (là vợ bị cáo và được bị cáo ủy quyền nhận hộ tài sản). Chiếc xe mô tô 27B1-381.39 là tài sản do em gái của bà Lê Thị Tm (là bà Lê Thị Th) mua tặng bà Tm vào tháng 01/2016, bà Tm không biết bị cáo đã dùng chiếc xe mô tô vào việc phạm tội nên ngày 18/4/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Lê Thị Tm (là chủ sở hữu) chiếc xe mô tô trên kèm giấy đăng ký xe. Xét thấy việc trả lại tài sản

của cơ quan điều tra là đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn G** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (29/01/2019).

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,67 gam Heroine còn lại sau khi giám định; 04 mảnh giấy trắng; 02 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 vé lô tô; 01 dao lam là vật chứng của vụ án.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 4/5/2019 giữa Công an thành phố Đbp và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đbp, tỉnh Đb.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2019).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- L- u hồ sơ vụ án;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB
- L- u VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Tám

